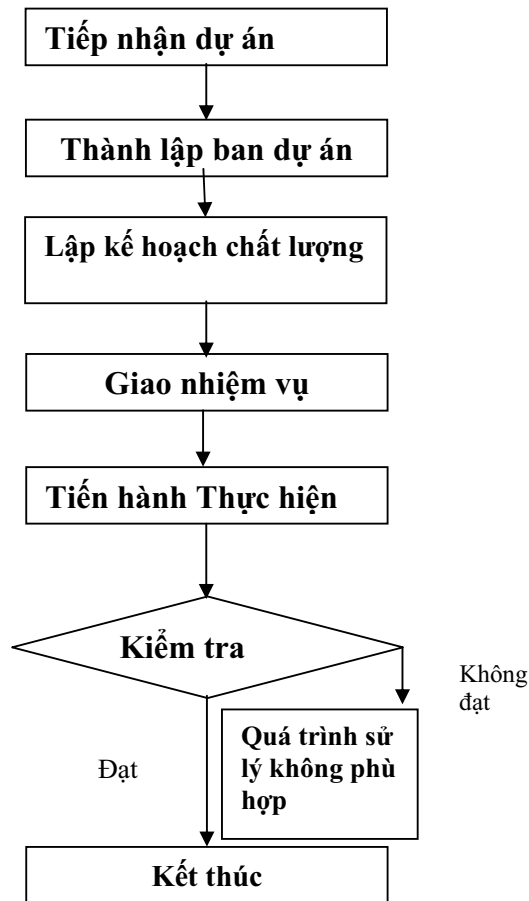




5.5. Quy trình sản xuất kinh doanh

Sơ đồ 2: Quy trình thi công dự án của Công ty



1. TIẾP NHẬN DỰ ÁN:

Tổng Giám đốc Công ty sẽ bổ nhiệm Giám đốc dự án sau khi hợp đồng dự án đã trúng thầu, hay chỉ định thầu được ký kết

Giám đốc dự án có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đấu thầu gồm:

- Phạm vi công việc của dự án.
- Danh mục tài liệu, bản vẽ.
- Bản vẽ thiết kế.
- Quy trình kỹ thuật.

2. BAN DỰ ÁN.



2.1. Giám đốc dự án thành lập nhóm quản lý dự án và thông báo Phòng Tổ chức hành chính

- Quyết định bổ nhiệm Giám đốc dự án;
- Quyết định điều động nhân lực.

2.2. Phòng Kinh tế - Kỹ Thuật phân công cán bộ kỹ thuật tiếp nhận quản lý tài liệu, bản vẽ Phòng cung ứng vật tư thiết bị phân công cán bộ có trách nhiệm mua vật tư của dự án (Nếu dự án không khoán trọn gói).

2.3. Phòng quản lý máy có trách nhiệm cung cấp phương tiện thi công theo yêu cầu của Giám đốc dự án và quản lý máy móc thiết bị tại công trường.

2.4 Phòng tổ chức điều động nhân lực đảm bảo số lượng và chất lượng cho dự án.

2.5. Phòng an toàn phân công cán bộ có trách nhiệm hướng dẫn kiểm tra an toàn. Đối với an toàn viên kiểm tra, yêu cầu việc thi công trên Công trường thực hiện các quy định về vệ sinh an toàn trong sản xuất thi công.

3. LẬP KẾ HOẠCH CHẤT LƯỢNG.

3.1. Giám đốc điều hành tiến hành lập kế hoạch chất lượng phải được sự chấp thuận.

3.2. Giám đốc điều hành tiến hành lập tiến độ thi công theo tiến độ chung của dự án, phải được chấp thuận của Giám đốc dự án

4. GIAO NHIỆM VỤ.

4.1. Giám đốc điều hành giao nhiệm vụ cho đội sản xuất, tổ sản xuất thực hiện từng hạng mục của dự án.

4.2. Giám đốc điều hành quyết định giao nhiệm vụ đối với kỹ thuật thi công giám sát từng hạng mục của dự án. Kỹ thuật thi công triển khai công việc

- Lập biện pháp thi công và trình lên Giám đốc điều hành duyệt;
- Kiểm tra khối lượng công việc theo hồ sơ dự án trình Giám đốc;
- Dự trữ vật tư thiết bị đối với hạng mục.

4.3. Kỹ thuật thi công thực hiện báo cáo hàng tuần tại cuộc họp giao ban với Giám đốc dự án.

5. TIẾN HÀNH THỰC HIỆN.

5.2. Kỹ thuật thi công cùng cán bộ vật tư, tổ sản xuất tiến hành kiểm tra thiết bị.



LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

5.3. Kỹ thuật thi công hướng dẫn cho đội sản xuất, tổ sản xuất biện pháp thi công, biện pháp an toàn cho từng hạng mục. (Giám đốc điều hành đã duyệt).

5.4. Đội sản xuất, tổ sản xuất triển khai công việc đã giao.

5.5. Giám đốc điều hành cùng kỹ thuật thi công tiếp nhận bàn giao mặt bằng thi công của khách hàng gồm:

- Cao trình mặt bằng thi công;
- Tim, trục mặt bằng thi công.

5.6. Kỹ thuật Thi công cùng đội sản xuất, tổ sản xuất giải quyết các vướng mắc của hạng mục về kỹ thuật phải có báo cáo với Giám đốc điều hành tại các cuộc họp giao ban ở Công trường. Nội dung phải ghi trong nhật ký thi công.

5.7. Giám đốc điều hành tiến hành báo cáo tiến độ thực hiện dự án hàng tháng về Công ty tại các cuộc họp giao ban Công ty một tháng một lần, hoặc gửi bản báo cáo qua fax.

6. KIỂM TRA XEM XÉT.

6.1. Giám đốc điều hành thường xuyên báo cáo với Giám đốc dự án về tiến độ thực hiện công việc các nguyên nhân gây ảnh hưởng tiến độ, chất lượng công việc. Nội dung phải ghi vào nhật ký thi công và văn bản đề nghị.

- Mặt bằng thi công;
- Phương tiện thi công;
- Vật tư thiết bị;
- Nhân lực.

6.2. Giám đốc điều hành phải đệ trình lên Giám đốc dự án các sai sót do khách hàng cung cấp về vật tư thiết bị bằng văn bản đề nghị, và được gửi tới khách hàng.

6.3. Giám đốc điều hành phải đệ trình lên Giám đốc dự án các sai sót do Công ty cung cấp về vật tư thiết bị bằng văn bản đề nghị, và được gửi về Công ty.

6.4. Giám đốc điều hành yêu cầu Kỹ thuật thi công lập hồ sơ các thay đổi thiết kế kỹ thuật nếu trong quá trình thi công xảy ra phải có xác nhận của Giám sát thi công đại diện Khách hàng.

6.5. Kỹ thuật thi công lập hồ sơ bàn giao khi hạng mục Công trình kết thúc.

- Hoàn công lắp đặt;



- Biên bản thí nghiệm
- Biên bản nghiệm thu kỹ thuật công trình;
- Biên bản bàn giao công trình hoàn thành.

7. KẾT THÚC DỰ ÁN.

Giám đốc dự án kiểm tra công việc từng hạng mục đã hoàn thành ngoài công trường và hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật hoàn tất, thì tiến hành tổ chức mời Khách hàng nghiệm thu bàn giao dự án .

Ngoài ra, Công ty còn ban hành các quy trình liên quan đến kiểm tra chất lượng sản phẩm, quy trình kiểm soát hoạt động gia công thiết bị cơ khí...

5.6. Trình độ công nghệ

Công ty Cổ phần Lilama 45.4 là một trong những Công ty hàng đầu về trình độ khoa học công nghệ; Công ty luôn áp dụng những công nghệ tiên tiến và hiện đại khi thực hiện các công trình, và hiện nay LILAMA 45.4 là một trong những Công ty được Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam giao cho thực hiện các hợp đồng theo Tổng thầu EPC đối với các dự án trọng điểm quốc gia. Hiện nay, Công ty đang sở hữu một hệ thống các loại máy móc thiết bị hiện đại với năng lực thi công của Công ty được đánh giá cao.

Bảng 09: Danh sách tài sản cố định của Công ty tính đến ngày 30/09/09

| TT | TÊN - KÝ HIỆU TSCĐ | SL | Đơn vị tính |
|----|------------------------------------|----|-------------|
| 1 | Cần trục bánh lốp Goodwall | 1 | xe |
| 2 | Cần trục bánh xích | 3 | xe |
| 3 | Cẩu thủy lực KC 557 KP 30T | 2 | dàn |
| 4 | Cẩu bánh lốp 40T MKAT - 40 | 3 | xe |
| 5 | Cẩu dàn KKC -10T25 Liên Xô | 1 | dàn |
| 6 | Cẩu Pinguily GC 15100 - 100T (9) | 1 | dàn |
| 7 | Cổng trục KC 30-42-5 | 1 | dàn |
| 8 | Máy kéo bánh xích | 1 | xe |
| 9 | Đầu kéo MA3 5432 + Moóc KAMA3 5432 | 2 | xe |
| 10 | Tax 700K XTS - 5208/0-60T | 1 | Cái |
| 11 | Xe nâng TCM.FO 100 Nhật | 1 | xe |
| 12 | Xe ô tô cầu MKC 4032 | 1 | xe |
| 13 | Xe tải KPA3 257 | 1 | xe |
| 14 | Xe ô tô MUSSO 602EL* | 1 | xe |



LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

| | | | |
|----|--|----|------------|
| 15 | Xe TOYOTA 16 chỗ | 1 | xe |
| 16 | Xe TOYOTA 3.0 | 1 | xe |
| 17 | Xe TOYOTA INNOVA (8 chỗ) | 1 | xe |
| 18 | Xe ô tô bán tải FORD | 3 | xe |
| 19 | Rơ mooc Chien You (Cầu tự hành) | 1 | Cái |
| 20 | Ô tô đầu kéo (có gắn cầu) MAZ 642205 | 1 | xe |
| 21 | Xe ô tô Mitsubishi 7 chỗ | 1 | xe |
| 22 | Xe ô tô Hyundai 29 chỗ | 1 | xe |
| 23 | Xe tải 4,5 tấn - THACO | 1 | xe |
| 24 | Xe tải 1,25 tấn - THACO | 2 | xe |
| 25 | Xe ô tô 7 chỗ Ford Everest | 1 | xe |
| 26 | Xe ô tô 5 chỗ KIA CERATO | 1 | xe |
| 27 | Xe tải 1,0 tấn - THACO | 1 | xe |
| 28 | Con lăn (TIRTANK) 50TTYPE3 Nhật | 1 | Cái |
| 29 | Dầm cầu trục T//-20 (Pa lẵng con mèo) | 2 | dàn |
| 30 | Dây chuyền SX dầm I | 1 | Dây chuyền |
| 31 | Máy cắt đột liên hợp CD-145-4116 | 7 | máy |
| 32 | Máy Lốc tôn TQ W1120*2000 | 2 | máy |
| 33 | Máy ép dầu cốt tự lai | 2 | máy |
| 34 | Máy fay giường (9) | 2 | máy |
| 35 | Máy hàn các loại | 63 | máy |
| 36 | Máy khoan các loại | 15 | máy |
| 37 | Máy kính vĩ NIKON NE-20H | 5 | máy |
| 38 | Máy thủy bình NIKON AS-2C (bộ) | 3 | máy |
| 39 | Máy Thủy chuẩn AS-2C | 4 | máy |
| 40 | Máy toàn đạc điện tử DTM - 521 (NOKIA) 6 | 2 | máy |
| 41 | Máy mài 2 đá đứng S3SL - 200 | 2 | máy |
| 42 | Máy nén khí 2,6m ³ TQ - Động cơ D24 (4) | 1 | máy |
| 43 | Máy phát điện JUBILETE 100KVA J 5C 10 | 4 | máy |
| 44 | Máy phun sơn GRACOKING63-1 ĐL (Việt) | 3 | máy |
| 45 | Máy đo chiều dày sơn (02 cái) | 2 | máy |
| 46 | Máy ren ống N-80A Nhật | 1 | máy |
| 47 | Máy bơm áp HD Đức 1090 (phun cát) | 3 | máy |
| 48 | Máy siết bulon bằng khí nén NWH 750 | 5 | máy |
| 49 | Máy tiện 1K62 | 3 | máy |
| 50 | Máy bào B 665 | 1 | máy |
| 51 | Máy vát mép HB - 15 B Nitto (Việt) | 2 | máy |
| 52 | Kích thủy lực 200T chạy điện | 2 | Cái |



LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

| | | | |
|----|---------------------------|---|-----|
| 53 | Pa lăng Nhật 15T VITAL | 3 | Cái |
| 54 | Tời điện 12T TY-36-222-T4 | 3 | dàn |
| 55 | Hàm ép | 1 | Cái |

Nguồn: Công ty Cổ phần Lilama 45.4

5.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Ngoài việc đầu tư đào tạo chuyên sâu cán bộ công nhân viên, đầu tư tài sản cố định để nâng cao năng lực thực hiện các Hợp đồng xây lắp cho các ngành có tính phức tạp và kỹ thuật cao như: Thủy điện, Dầu khí, Điện lực, Xi măng... Công ty đang tiến hành nghiên cứu và lập các dự án đầu tư vào một số lĩnh vực mới như:

- Xây dựng nhà máy Thủy điện;
- Sản xuất, chế tạo các Sản phẩm thiết bị cơ khí & kết cấu thép cho các nhà máy Xi măng, nhà máy khí điện, nhiệt điện, các dự án điện gió, các dự án về cơ khí khác;
- Sản xuất các nhóm sản phẩm về lắp đặt kết cấu thép.

Bên cạnh đó Công ty đang tập chung Bổ sung nguồn nhân lực cũng như nguồn tài chính vững mạnh để tham gia sâu rộng vào lĩnh vực **“Tổng thầu EPC”** cụ thể như sau:

- Đầu tư mở rộng Nhà máy Chế tạo cơ khí tăng công suất từ 2.000 tấn/năm lên 10.000 tấn/năm;
- Tăng số lượng Máy hàn tự động từ 4 máy lên 12 máy;
- Tăng số đầu Xe cầu từ 10 lên 20 chiếc đáp ứng yêu cầu thi công;
- Mua máy Lốc tôn lốc được tôn dày 130 mm;
- Mua các loại tài sản chuyên dùng phục vụ cho chế tạo và lắp đặt thiết bị các công trình hạng nặng;
- Đào tạo – Tuyển dụng kỹ sư, công nhân có đủ trình độ chuyên môn. Tích lũy thêm vốn , đầu tư năng lực thi công đủ mạnh để quản lý và thi công được các dự án.



LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

- Làm Tổng thầu EPC cung cấp thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị cho các công trình cơ khí thủy công của các nhà máy thủy điện.

5.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Nhận thức được tầm quan trọng của chất lượng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tiến hành triển khai, nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực tế hiện tại ở các phòng ban, các ban chỉ đạo, đội sản xuất thi công và các bộ phận liên quan để từ đó áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 - 2008.

Công tác quản lý chất lượng được áp dụng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 từ cấp Công ty đến cấp Đội công trình. Trong và sau mỗi công trình hay một dự án đầu tư thì những bộ phận chịu trách nhiệm thi công và chủ các dự án đều phải thực hiện kiểm tra đánh giá chất lượng công trình dựa trên những tiêu chuẩn mà chủ đầu tư đặt ra. Do vậy đảm bảo cung cấp cho khách hàng những dịch vụ thiết kế gia công chế tạo và lắp đặt công trình có chất lượng cao với thời gian nhanh nhất.

Một số chứng chỉ quản lý chất lượng Công ty đang áp dụng:



Chứng chỉ ISO 9001 - 2008



Cúp vàng ISO 2007



Chứng chỉ ISO 9001 - 2000



LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

5.9. Hoạt động Marketing

Những năm trước đây với thương hiệu LILAMA 45.4, Công ty chỉ tập trung vào dịch vụ xây lắp và chế tạo thiết bị do Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam chỉ định mà chưa quan tâm đến các hoạt động Marketing chuyên nghiệp. Sau khi chuyển sang hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần và trước sự thay đổi về nhu cầu thị trường, sức ép từ các đối thủ cạnh tranh, Công ty đã thực sự nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động Marketing. Các chính sách Marketing của Công ty bao gồm:

Chính sách sản phẩm: Chất lượng sản phẩm là một trong những tiêu chí hàng đầu tạo nên thương hiệu của Công ty. Vì vậy chất lượng sản phẩm luôn được đặt ở vị trí trung tâm trong mọi kế hoạch sản xuất sản phẩm của Công ty. Mọi ý kiến phản hồi từ phía khách hàng về sản phẩm của Công ty đều được công ty tiếp thu và có biện pháp khắc phục kịp thời.

Chính sách giá: Giá thầu các công trình xây lắp và chế tạo thiết bị của Công ty luôn ở mức cạnh tranh so với các Công ty trong ngành. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng tìm kiếm, liên kết với những đối tác có uy tín trong lĩnh vực cung cấp vật liệu cho các công trình thi công của Công ty, từ đó giúp Công ty không những giảm được giá thành mà còn đảm bảo chất lượng thi công của các công trình.

Chính sách khuyến trương: Liên tục củng cố uy tín và quảng bá rộng rãi hình ảnh Công ty thông qua việc công bố trên trang Website của Công ty về các hoạt động, dịch vụ cũng như về các kết quả, thành tựu đã đạt được của Công ty.

5.10. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu hiện nay Công ty Cổ phần Lilama 45.4 đang sử dụng là: LILAMA 45.4 Công ty Cổ phần Lilama 45.4. Nhãn hiệu được Công ty sử dụng cho tất cả các sản phẩm và công trình của Công ty là logo:



LILAMA 45.4 JSC

Nhãn hiệu này Công ty được sử dụng theo hợp đồng số 07/HĐNH – LILAMA ngày 03/01/2006 giữa Công ty cổ phần Lilama 45.4 với Tổng công ty lắp máy Việt Nam. Thời hạn sử dụng thương hiệu này là 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng



LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

5.11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**Bảng 10: Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện**

| TT | Tên hợp đồng | Giá trị HĐ (1.000VNĐ) | Tên Đơn vị ký hợp đồng | Thời gian thực hiện |
|----|--|-----------------------------|---|------------------------|
| 1 | DA Thủy điện Đồng Nai 3 | 181.374.522 | BQLDA Thủy điện 6 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam | T6/2008 -> T7/2011 |
| 2 | DA Thủy điện Đồng Nai 4 | 220.413.260 | BQLDA Thủy điện 6 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam | T6/2008 -> T7/2011 |
| 3 | DA Thủy điện Đăk' R Tih | 133.941.000 | Tổng công ty Xây dựng Số I – Bộ Xây Dựng | T1/2008 -> T12/2010 |
| 4 | DA Thủy điện An Khê – KaNăk | 80.040.502 | BQLDA Thủy điện 7 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 6/2008 - >12/2011 |
| 5 | DA Thủy điện Sông Ba Hạ | 80.000.000 | BQLDA Thủy điện 7 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 6/2006 - >12/2009 |
| 6 | DA Thủy điện A Lưới | 46.659.771 | Công ty CP Thủy điện Miền Trung | T3/2009 -> T12/2011 |
| 7 | DA Thủy điện Na Ngum | 910.000 USD | Alstom Projects India LTD | 8/2008 -> 12/2009 |
| 8 | DA Lắp trạm nghiền Xi măng Thăng Long | 18.749.016 | Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam | |
| 9 | DA NM Nhiệt điện Nhơn Trạch 2 | 3.397.117 | Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam | 7/2009 -> 10/2009 |
| 10 | Chế tạo chân đế giàn khoan | 13.085.103 | Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam | 9/2009 - >3/2010 |
| 11 | Chế tạo chân đế giàn khoan | 3.939.495 | Công ty TNHH PTSC | 8/2009 - >10/2009 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Lilama 45.4



6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2007, năm 2008 và 9 tháng đầu năm 2009

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Vn đồng

| Chỉ tiêu | 2007 | 2008 | Thay đổi | 9 tháng/2009 |
|-----------------------------------|----------------|-----------------|----------|-----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 87.536.131.741 | 270.911.079.260 | 209% | 173.819.502.155 |
| Doanh thu thuần | 83.399.725.349 | 239.885.214.855 | 187,6% | 182.313.102.869 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 4.177.491.112 | 7.150.885.646 | 71,18% | 6.009.818.143 |
| Lợi nhuận khác | (14.859.257) | (134.197.517) | 803% | 1.352.990.946 |
| Lợi nhuận trước thuế | 4.162.631.855 | 7.016.688.129 | 69% | 7.362.809.089 |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.162.631.855 | 7.016.688.129 | 69% | 6.442.457.954 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 73,80% | 57,01% | | |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007,2008 và Quý II/2009 Công ty CP Lilama 45.4

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

- Lợi thế từ khi hoạt động dưới loại hình Công ty Cổ phần

Chuyển sang loại hình công ty cổ phần từ cuối năm 2006, hoạt động của Công ty đã trở nên năng động hơn, ký kết được nhiều hợp đồng lớn. Tính đến cuối năm 2008, Công ty đã thực hiện được nhiều dự án, khách hàng ngày một nhiều hơn và các dự án đã mang lại tên tuổi cũng như vị thế của Công ty trong ngành. Điều này làm cho số hợp đồng tăng lên dẫn đến hiệu quả là doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2008 tăng lên đột biến so với năm 2007.

- Yếu tố nội tại của Công ty:



LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

Đội ngũ công nhân và thợ hàn lành nghề, có nhiều kinh nghiệm, được đào tạo bài bản trong lĩnh vực hàn, cắt; lắp đặt máy móc; chế tạo thiết bị... do vậy đây cũng là lợi thế lớn của Công ty. Đem lại uy tín cao, làm tăng doanh thu và lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 40 tỷ đồng cùng với chính sách tài chính phù hợp đã làm cho nguồn vốn cần thiết để thực hiện các công trình tăng, do vậy làm tăng doanh thu năm 2007 và năm 2008 tăng cao.

- *Khai thác sản phẩm mới, mở rộng đối tác:*

Doanh thu năm 2008 của LILAMA 45.4 đã tăng nhiều so với năm 2007, điều này là do các cán bộ cùng với nhân viên Công ty đã không ngừng tìm hiểu, khai thác nhu cầu mới của khách hàng, cùng với mối quan hệ lâu năm của đội ngũ lãnh đạo Công ty cùng với sự nhạy bén của Đội trưởng các công trình đã mang lại nhiều hợp đồng lớn. Hơn nữa được sự chỉ đạo của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam, nhiều hợp đồng lớn cả trong và ngoài nước đã được ký kết và triển khai thực hiện đem lại doanh thu cao cho Công ty.

 *Khó khăn*

- *Đặc thù của ngành xây lắp, chế tạo máy*

Chu kỳ sản phẩm là một nhân tố ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với đặc thù của một đơn vị thi công xây dựng, lắp máy, chế tạo thiết bị, tham gia nhiều dự án có quy mô lớn, do vậy vốn của Công ty thường bị chiếm dụng chỉ khi thực hiện xong và quyết toán công trình thì mới thu được hết giá trị hợp đồng của công trình đó trong khi vốn và chi phí phải bỏ ra từ khi thực hiện. Vì vậy, trong chu kỳ cung ứng dịch vụ của mình, doanh thu của Công ty thường cao hơn vào cuối năm hoặc khi hoàn tất công trình.

- *Khai thác và mở rộng thị trường:*

Công ty Cổ phần Lilama 45.4 có trụ sở chính tại Khu công nghiệp biên hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, nhưng đặc thù của Công ty là địa điểm sản xuất



LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

lại nằm ở khắp mọi miền trên đất nước. Điều này gây khó khăn cho công tác quản lý và điều hành, kéo theo bộ máy mở rộng, phát sinh chi phí quản lý.

- *Đối thủ cạnh tranh*

Đối thủ cạnh tranh của Công ty hiện nay chủ yếu là các Công ty lắp máy và chế tạo thiết bị trong nước. Không chỉ là các Công ty trong cùng Tổng Công ty lắp máy Việt Nam mà còn là các Công ty trực thuộc các Tổng Công ty khác.

Trong lĩnh vực chế tạo thiết bị và kết cấu thép: Đối thủ cạnh tranh của LILAMA 45.4 ngoài các Công ty lắp máy khác trong Tổng Công ty lắp máy Việt Nam còn có các đối thủ như: Tổng Công ty cơ khí xây dựng (COMA),...

Trong lĩnh vực xây lắp: Đối thủ cạnh tranh chủ yếu là các Công ty trong Tổng Công ty Xây lắp & Phát triển Hạ tầng (LICOGI), như: Licogi 18, Licogi 9...

Ngoài ra đối thủ cạnh tranh lớn mà hiện nay Công ty phải đối mặt là các đối thủ cạnh tranh lớn từ Trung Quốc do họ có nguồn nguyên vật liệu sẵn có và chi phí sản xuất thấp hơn.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

LILAMA 45.4 là một doanh nghiệp có phần vốn Nhà nước chi phối, có tư cách pháp nhân đầy đủ, hạch toán độc lập và là một thành viên của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - một Tổng Công ty hàng đầu của Nhà nước về lĩnh vực xây lắp & chế tạo máy.

Hiện nay LILAMA 45.4 đang rất chú trọng phát triển các nguồn lực của mình để tăng cường khả năng chế tạo cơ khí nói chung kết cấu thép và các thiết bị của lò hơi nhiệt điện đốt than nói riêng. Một mặt Công ty tiếp tục nâng lực chế tạo hiện có, nâng cao tay nghề công nhân; mặt khác Công ty đang tiến hành dự án đầu tư mở rộng Nhà máy cơ khí chế tạo để nâng cao năng lực cung ứng sản phẩm cho thị trường trong và ngoài nước.

Bảng 12: Doanh thu và lợi nhuận tính đến 31/12/2008 của các Doanh nghiệp cùng ngành đã niêm yết





LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

Đơn vị: 1.000 VNĐ

| TT | Công ty chỉ tiêu | VĐL | TĐT | LN | LN/VĐL | DTT/VĐL |
|----|------------------|------------|-------------|------------|--------|---------|
| 1 | Lilama 69-1 | 70.150.000 | 284.048.075 | 12,305,733 | 17.54% | 404.92% |
| 2 | Lilama 10 | 90.000.000 | 327.838.971 | 22,179,619 | 24.64% | 364.27% |
| 3 | Lilama 69 - 2 | 30.000.000 | 151.672.027 | 12,009,951 | 40.03% | 505.57% |
| 4 | Lilama 45.3 | 35.000.000 | 182.330.259 | 16,862,813 | 48.18% | 520.94% |
| 5 | C92 | 12.000.000 | 63.463.741 | 1,039,680 | 8.66% | 528.86% |
| 6 | Lilama 45.4 | 40.000.000 | 239.885.215 | 7,016,688 | 17.54% | 599.71% |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008 của các Công ty niêm yết, Website: <http://hnx.vn> và <http://hsx.vn>

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Trên bình diện vĩ mô, nền kinh tế từ năm 2006 - 2010 được đánh giá là giai đoạn phát triển tăng tốc của Việt Nam, với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 8,0-8,5%/năm. Đặc biệt giai đoạn từ năm 2009 là giai đoạn phục hồi của nền kinh tế thế giới sau khủng hoảng. Đây là cơ hội tốt cho sự phát triển và tăng trưởng của thị trường tạo điều kiện cho sự phát triển chung của các doanh nghiệp.

- Khả năng phát triển ngành

Ngành xây lắp, tổng thầu EPC (Tur vản, Thiết kế - Cung cấp thiết bị - Xây lắp, vận hành hay nói cách khác là “Thực hiện dự án theo phương thức chìa khoá trao tay”), chế tạo thiết bị đồng bộ cho các công trình công nghiệp và dân dụng đang là ngành hiện nay được sự quan tâm chú ý phát triển của Chính phủ.

Trong lĩnh vực cơ khí chế tạo đã có bước phát triển mạnh mẽ, mức tăng trưởng bình quân hàng năm là 25-35%. Chính vì vậy mà các Tổng Công ty, các Công ty trong lĩnh vực chế tạo thiết bị đã tập trung đầu tư mạnh tăng cường khả năng thiết kế, chế tạo thiết bị cho Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

- Triển vọng phát triển của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và các Đơn vị thành viên.



LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

Lĩnh vực chế tạo thiết bị và trở thành nhà tổng thầu EPC - thực hiện trọn gói các công trình từ khâu nhận thầu đến thực hiện và bàn giao lại cho khách hàng khi đã hoàn tất công việc, mới phát triển ở Việt Nam hiện nay, trong đó Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam là tiên phong thực hiện trong lĩnh vực này, LILAMA đã không phải làm thuê cho các tổ chức nước ngoài thực hiện các công trình của Việt Nam mà còn quy tụ được sức mạnh tổng hợp của các doanh nghiệp chế tạo cơ khí trong nước, phát huy năng lực về mọi mặt, nắm bắt công nghệ tiên tiến hiện đại góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thành công của dự án nhà máy nhiệt điện Uông Bí mở rộng 300 MW đã khẳng định chủ trương đúng đắn của Chính phủ là giao việc thực hiện tổng thầu EPC cho các doanh nghiệp trong nước.

7.3. Định hướng phát triển của Công ty

✚ Sản xuất kinh doanh

Chủ động về vốn, tích cực tìm kiếm thị trường, phát huy mọi nguồn lực để đầu tư phát triển sản xuất, hạch toán chi phí tiết kiệm, tạo nhiều việc làm cho công nhân lao động, nâng cao thu nhập và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội. Phần đầu đạt doanh thu năm 2010 là 340 tỷ đồng (tăng 13,3% so với năm 2009) và duy trì mức tăng trưởng doanh thu hàng năm trên 17%, cổ tức cho các cổ đông ít nhất là 25%/năm.

Không ngừng cải tiến kỹ thuật để ký kết và thực hiện nhiều công trình tổng thầu EPC và các công trình trọng điểm quốc gia, mang lại nguồn thu và tên tuổi cho Công ty. Đây cũng là hướng đi đúng đắn nhằm đáp ứng với yêu cầu phát triển toàn ngành xây lắp, chế tạo thiết bị nói riêng yêu cầu phát triển công nghệ quốc gia nói chung...

✚ Tài chính:

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.
- Tích cực tìm nguồn vốn với chi phí thấp, đảm bảo hoạt động hiệu quả.

✚ Công tác đời sống của CBCNV:

- Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, phần đầu mức thu nhập bình quân hàng tháng trên 4.000.000 đồng/người/tháng.



- Cải thiện điều kiện làm việc, nơi ăn ở của CBCNV ở các công trình và khu tập thể gia đình công nhân.
- Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.
- Chăm lo sức khỏe cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời cho CBCNV.
- Đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, xoá bỏ các tệ nạn xã hội, tích cực tham gia các phong trào với địa phương có hiệu quả.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Tình hình lao động

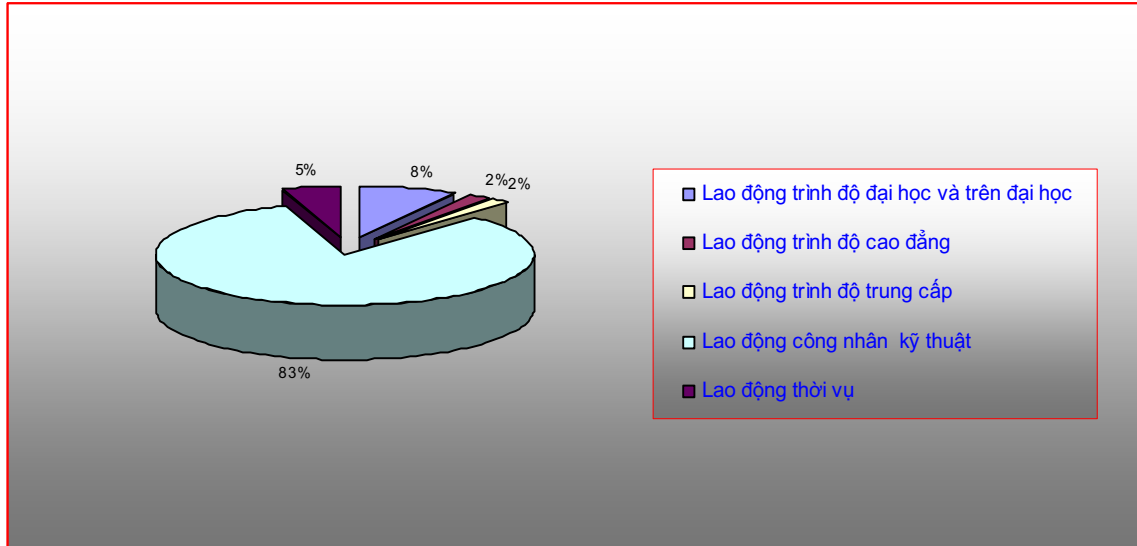
Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 30/09/2009, số lượng cán bộ nhân viên chính thức của Công ty là 847 người (kể cả công nhân kỹ thuật)

Bảng 13 : Phân loại trình độ lao động trong Công ty

| STT | Trình độ học vấn | Số người | Tỷ trọng (%) |
|------------------|---|------------|---------------|
| 1 | Lao động trình độ đại học và trên đại học | 75 | 8,42 |
| 2 | Lao động trình độ cao đẳng | 16 | 1,8 |
| 3 | Lao động trình độ trung cấp | 15 | 1,68 |
| 4 | Lao động công nhân kỹ thuật | 741 | 83,16 |
| 5 | Lao động thời vụ | 44 | 4,94 |
| Tổng cộng | | 891 | 100% |



Biểu đồ 4: Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty thời điểm 30/9/2009



8.2. Chính sách với người lao động

Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Không ngừng nâng cao năng lực quản lý điều hành của cán bộ quản lý, cán bộ Kỹ thuật, xây dựng và làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo cán bộ, đáp ứng yêu cầu hiện tại và đáp ứng nhiệm vụ lâu dài của Công ty.
- Tổ chức đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo nâng cao theo yêu cầu nhiệm vụ sản xuất.
- Thường xuyên đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, tin học. Phấn đấu đến năm 2010 tất cả cán bộ quản lý từ đội trưởng công trình trở lên phải được học qua các lớp quản lý, pháp luật, tin học, ngoại ngữ để phù hợp với sự phát triển của Công ty.
- Đáp ứng đầy đủ lực lượng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, giám sát cho các công trình và các dự án của Công ty.
- Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các lớp học nâng cao cho cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác tư vấn, giám sát.
- Kết hợp với các trường Đại học, các cơ sở đào tạo để bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ.



- Thường xuyên tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý theo mô hình tổ chức quản lý mới.
- Luôn chú trọng xây dựng đội ngũ công nhân kỹ thuật, lành nghề, có kỹ thuật tay nghề cao theo chuyên ngành của Công ty.
- Thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề tạo điều kiện để họ học tập, rèn luyện, gắn bó xây dựng Công ty.
- Kết hợp với các trường CNKT trong ngành và các trường CNKT ngoài ngành để làm nhiệm vụ đào tạo cho đội ngũ CNKT của Công ty có đủ trình độ, tiêu chuẩn theo yêu cầu.
- Phân đầu đến năm 2010 có 100% CNKT chuyên nghiệp có trình độ lý thuyết và thực hành đạt tiêu chuẩn trong ngành nghề.
- Hàng năm phòng tổ chức công ty kết hợp với các giám đốc nhà máy đội trưởng công trình tìm kiếm, rà soát và trình lên ban lãnh đạo công ty những cán bộ công nhân viên có tay nghề cao, có khả năng làm nhóm trưởng trở lên, những cán bộ kỹ thuật có năng lực năng động nhiệt tình trong công việc có khả năng quản lý, để công ty có hướng đào tạo và bổ nhiệm nhiệm vụ mới theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh.

Chính sách, chế độ cụ thể đối với người lao động:

a. Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày, 5 ngày mỗi tuần, nghỉ trưa 1 giờ. Khi có yêu cầu về tiến độ hợp đồng, dự án thì cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm và tự nguyện làm thêm giờ, Công ty có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian



LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên sẽ được cộng thêm 01 ngày phép.

- Nghỉ ốm, thai sản: Công ty thanh toán chế độ lương, ốm, thai sản theo quy định, đây là phần BHXH trả thay lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 05 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên. Công ty áp dụng chế độ định kỳ khám kiểm tra sức khỏe tổng hợp cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty mỗi năm 1 lần.

b. Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học chuyên ngành có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập, trình độ về ngoại ngữ và tin học.
- Chính sách thu hút nhân tài: Công ty dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.
- Đào tạo: Bên cạnh đó, hàng năm đơn vị cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi



LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Cán bộ công nhân viên trong Công ty ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.
- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.
- Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định của pháp luật.
- Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động hiệu quả. Hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty đều được hưởng chế độ vào các dịp lễ, tết.

9. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do Hội đồng Quản trị xây dựng, đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định trên nguyên tắc sau:

- Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty cho các cổ đông theo tỷ lệ phần vốn góp.
- Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời vẫn đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2008 là 10%;



- Năm 2009 dự kiến 12%. Trong năm 2009 Công ty cũng đã thực hiện tạm ứng cổ tức lần 1 với tỷ lệ tạm ứng là 6%

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1 Trích khấu hao TSCĐ:

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- ❖ Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận, hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- ❖ Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;
- ❖ Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Bảng 14: Thời gian khấu hao tài sản cố định

| TT | Nhóm tài sản | Thời gian |
|-----------|--------------------------|------------------|
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 – 30 năm |
| 2 | Máy móc, thiết bị | 5 – 30 năm |
| 3 | Thiết bị dụng cụ quản lý | 4 – 18 năm |
| 4 | Phương tiện vận tải | 8 – 20 năm |
| 5 | Tài sản cố định vô hình | 10 năm |

Nguồn: Công ty Cổ phần Lilama 45.4

10.1.2 Mức lương bình quân:



LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty năm 2008 là 3,6 triệu đồng. So với mức lương trung bình của người lao động trong các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành trong khu vực thì đây là mức lương tương đối cao.

Bảng 15: Bình quân thu nhập/tháng của người lao động năm 2006, 2007, 2008

Đơn vị: VNĐ

| Chỉ tiêu | Năm 2006 | Năm 2007 | Năm 2008 |
|---------------------------|-----------|-----------|-----------|
| Mức lương bình quân | 2.276.400 | 3.265.100 | 3.651.500 |
| Thay đổi so với năm trước | | 43.43% | 11.83% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Lilama 45.4

10.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Là một doanh nghiệp có uy tín với các tổ chức tín dụng trong khu vực nhưng Công ty luôn chủ động hoàn trả các khoản nợ đến hạn. Tỷ lệ nợ đến hạn trong khác khoản nợ vay của Công ty luôn ở mức thấp, tính đến cuối năm 2008 Công ty có hơn 2,2 tỷ đồng nợ đến hạn, đến 30/9/2009 con số này chỉ là 0,514 tỷ đồng.

10.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Bảng 16: Tổng hợp các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước năm 2008

Đơn vị: VNĐ

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2008 |
|----|-------------------------------|-------------|
| 1 | Thuế GTGT | 0 |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 0 |
| 3 | Thuế thu nhập cá nhân | 0 |
| 4 | Thuế nhà đất và tiền thuê đất | 129.023.406 |
| 5 | Các loại thuế khác | 172.398.372 |



LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

Tổng cộng

301.421.778

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008 của Công ty CP Lilama 45.4

10.1.5 Trích lập các quỹ theo luật định:

Việc trích lập các quỹ, cũng như phân phối lợi nhuận của Công ty do Đại Hội đồng cổ đông quyết định vào các kỳ Đại Hội cổ đông thường niên hàng năm theo đề nghị của Hội Đồng quản trị Công ty.

Bảng 17: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty

| TT | Các Quỹ | Đơn vị tính: Vn đồng | |
|----|---------------------------|----------------------|---------------|
| | | 31/12/2007 | 31/12/2008 |
| 1 | Quỹ dự phòng tài chính | 292.551.385 | 292.551.385 |
| 2 | Quỹ đầu tư phát triển | 1.555.410.649 | 1.555.410.649 |
| 3 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 352.664.354 | (58.130.682) |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008 của Công ty CP Lilama 45.4

10.1.6 Tổng dư nợ vay:

Với đặc thù là đơn vị thi công cơ giới chủ lực trong Tổng Công ty Lilama, hiện tại Công ty đang tham gia thi công trên nhiều lĩnh vực như nhiệt điện, thủy lợi, giao thông, sản xuất công nghiệp, hạ tầng ... với giá trị sản lượng luôn gia tăng hàng năm. Vì vậy Công ty Lilama 45.4 phải đầu tư một lượng lớn máy móc thiết bị để đáp ứng được nhiệm vụ thi công. Những khoản đầu tư này phần lớn là sử dụng nguồn vốn đi vay.

❖ Dư nợ dài hạn:

Ngày 31/12/2008:

Dư nợ vay: 2.412.142.589

Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị

❖ **Dư nợ ngắn hạn:**

Ngày 31/12/2008:

Dư nợ vay: 66.146.188.217

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, đầu tư vốn cho các dự án Công ty đang thi công

Phần lớn số dư nợ trên được Công ty vay theo 2 hợp đồng tại BIDV Đồng Nai và Ngân Hàng phát triển Việt Nam Chi nhánh Lâm đồng, cụ thể như sau:

a. Hợp đồng vay với BIDV Đồng Nai

| TT | Diễn Giải | Số tiền vay | Lãi Suất | Hạn phải trả |
|----|---------------|----------------|--|--------------|
| 1 | HĐ 09/2008/HĐ | 4.100.00.000 | Thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần, 3 tháng đầu là 1.5%/tháng | Năm 2012 |
| 2 | HĐ 01/2007/HĐ | 3.500.000.000 | Thả nổi, 6 tháng điều chỉnh 1 lần, 6 tháng đầu áp dụng 1.15%/tháng | Năm 2011 |
| 3 | HĐ 07/2008/HĐ | | | |
| | 1 | 84.000 USD | 7%/năm | 02/04/2009 |
| | 2 | 4.200.000.000 | 7%/năm | 29/06/2009 |
| | 3 | 651.233.298 | 14%/năm | 02/05/2009 |
| | 4 | 10.955.036.905 | 16%/năm | 13/05/2009 |
| | 5 | 1.071.454.119 | 14%/năm | 28/05/2009 |
| | 6 | 15.000.000.000 | 14%/năm | 28/08/2009 |
| | 7 | 565.275.260 | 16%/năm | 14/05/2009 |

b. Hợp đồng vay với Ngân hàng Phát triển Lâm đồng (BDV)

- Hợp đồng vay số: 01/2008/HĐTDTĐ - NHPT
- Đơn vị cho vay: BDV – Chi nhánh Lâm Đồng
- Thời hạn thanh toán: 31/07/2009
- Số tiền vay: 30.000.000.000 đ
- Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần.



LILAMA 45.4 JSC

BẢN CÁO BẠCH

10.1.7 Tình hình công nợ hiện nay:

Bảng 18: Tình hình công nợ tại thời điểm 31/12/2008 và 30/9/2009

Đơn vị: VNĐ

| Chỉ tiêu | 31/12/2008 | 30/9/2009 |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Các khoản phải thu | 47.130.507.823 | 39.879.742.950 |
| Phải thu của khách hàng | 21.396.371.146 | 27.005.645.102 |
| Trả trước cho người bán | 25.342.274.821 | 12.507.683.915 |
| Các khoản phải thu khác | 514.417.136 | 488.969.213 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | (122.555.280) | (122.555.280) |
| Các khoản phải trả | 223.265.326.287 | 119.973.998.023 |
| Nợ ngắn hạn | 220.400.751.698 | 117.097.049.434 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 66.146.188.217 | 68.195.027.214 |
| Phải trả cho người bán | 75.729.651.847 | 18.791.999.436 |
| Người mua trả tiền trước | 68.370.234.645 | 22.652.980.906 |
| Thuế và các khoản phải nộp NN | 301.421.778 | 879.413.669 |
| Phải trả công nhân viên | 6.372.766.485 | 37.069.485 |
| Phải trả phải nộp ngắn hạn khác | 3.480.488.726 | 6.540.558.724 |
| Nợ dài hạn | 2.864.574.589 | 2.876.948.589 |
| Vay và nợ dài hạn | 2.412.142.589 | 2.412.142.589 |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 452.432.000 | 464.806.000 |

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2008 và BCTC quý III/2009 của Công ty

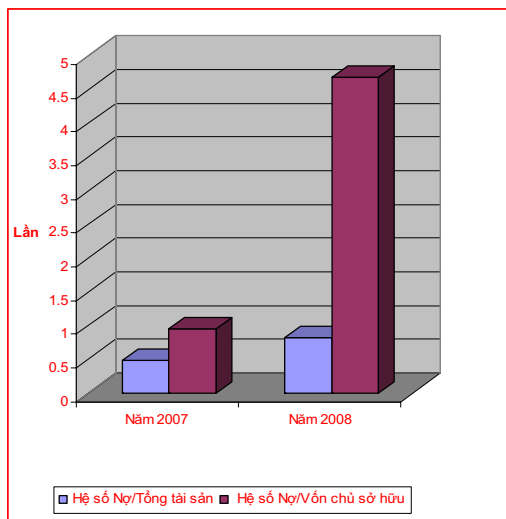
10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| TT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2007 | Năm 2008 |
|----|--------------|--------|----------|----------|
|----|--------------|--------|----------|----------|



| 1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
|---|-----|------|-------|--|
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | Lần | 1.53 | 1.05 | |
| Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn | Lần | 0.57 | 0.63 | |
| 2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0.49 | 0.82 | |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 0.94 | 4.68 | |
| 3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân | Lần | 2.03 | 2.56 | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Lần | 0.95 | 0.89 | |
| 4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 4.99 | 2.93 | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 9.31 | 14.71 | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 4.76 | 2.59 | |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 5.82 | 2.98 | |



Biểu đồ 6: Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu và hệ số nợ trên tổng tài sản đều có mức tăng đột biến so với năm 2007. Như đã phân tích ở trên trong năm 2008 Công ty chiếm dụng được một nguồn vốn lớn lên tới 68 tỷ của người mua trả tiền trước, đồng thời để bổ sung vốn thực hiện các hợp đồng lớn đã ký kết Công ty đã đẩy mạnh việc huy động vốn vay ngân hàng. Chính vì thế các hệ số này mới có sự tăng đột biến như